

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHƯƠNG MỸ
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM.
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.**

Bản án số: 36/2018/HNGĐ-ST

Ngày : 05-7-2018.

V/v: “ *Tranh chấp Ly hôn, nuôi con chung* ”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯƠNG MỸ-THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Liên.

- Ông Phạm Tiến Lợi.

- ***Thư ký phiên toà:*** Ông Tô Mạnh Hà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ tham gia phiên toà:*** Bà Triệu Thị Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 59/2018/TLST- HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2018 về: “ *Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung* ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2018/QĐXX-ST ngày 05/6/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Anh Lê Văn T**, sinh năm: 1973 (có mặt).

ĐKKHKT: Thôn P, xã P, huyện C, T.P Hà Nội.

Bị đơn: **Chị Nguyễn Thị H**, sinh năm: 1978 (có mặt).

ĐKKHKT: Thôn P, xã P, huyện C, T.P Hà Nội.

Hiện ở: số X khu T, thị trấn C, huyện C, T.P Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn anh Lê Văn T trình bày: Anh kết hôn với chị tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 04/8/1995 tại UBND xã P, huyện C. Trong quá trình chung sống, vợ chồng có những mâu thuẫn bất hòa xuất phát từ việc quan điểm sống, kinh tế gia đình và cách nuôi dạy con khác biệt. Năm 2013 vợ chồng mâu thuẫn lý do là anh nghi ngờ chị H có quan hệ ngoại tình, anh đã khuyên bảo nhiều lần nhưng vợ chồng không có tiếng nói chung,

từ tháng 8 năm 2014 đến nay vợ chồng sống ly thân không quan tâm đến nhau, anh ở nhà của vợ chồng còn chị H bán hàng và ở tại số X khu T, thị trấn C. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn đề nghị xin ly hôn chị Hoa.

Về con chung: Vợ chồng có 2 con chung là Lê Văn N, sinh năm 1996 đã đủ 18 tuổi và Lê Thị Hương G, sinh ngày 17/06/2007. Hiện cả hai con chung đều đang ở cùng chị H, ly hôn anh để chị H tiếp tục nuôi dưỡng con chung Lê Thị Hương G anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con là 1.000.000đ/1 tháng kể từ tháng 8/2018 đến khi con đủ 18 tuổi hoặc đến khi có quyết định thay đổi khác.

Về tài sản chung, công sức, công nợ: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Nguyễn Thị H trình bày: Chị và anh Lê Văn T tự do tìm hiểu có đăng ký kết hôn năm 1995 tại UBND xã P. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung cùng gia đình anh T tại xã P. Quá trình chung sống vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn. Năm 2013 anh T đi xem bói ở đâu chị không biết về nghi ngờ chị quan hệ bất chính với người khác dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn cãi nhau, không có tiếng nói chung, anh T xúc phạm danh dự nhân phẩm chị. Từ năm 2014 chị ở tại số X khu T, thị trấn C, còn anh T ở nhà của vợ chồng, vợ chồng sống ly thân. Tại bản tự khai chị đồng ý ly hôn anh T vì xác định tình cảm vợ chồng không còn. Tại phiên tòa chị H thay đổi không đồng ý ly hôn vì tình cảm vợ chồng vẫn còn và vợ chồng chưa thỏa thuận xong vấn đề riêng tư.

Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 2 con chung là Lê Văn N, sinh năm 1996 và Lê Thị Hương G, sinh ngày 17/06/2007. Hiện cả hai con chung đều đang ở cùng chị H, ly hôn chị xin nuôi con là G, chị chấp nhận anh T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị 1.000.000đ/1 tháng đối với cháu G.

Tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng có 1 căn nhà do vợ chồng chị xây dựng từ năm 2010 trên đất của bố mẹ anh T cho tại xã P nếu ly hôn chị có quan điểm đây là tài sản của vợ chồng tặng cho con trai là Lê Văn N, trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa chị không yêu cầu giải quyết tài sản chung và nợ chung.

Các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh đã thống nhất: Về điều kiện kết hôn cả hai vợ chồng chị H và anh T đều thừa nhận có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, đã nộp cho Tòa án Trích lục kết hôn. Thống nhất vợ chồng có 2 con chung là Lê Văn N, sinh năm 1996 và Lê Thị Hương G, sinh ngày 17/06/2007. Về tài sản chung, nợ chung đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án và các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, thư ký Tòa án chấp hành đúng quy định của pháp luật, nguyên đơn, bị đơn chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 về án phí, lệ phí Tòa án đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho anh Lê Văn T và chị Nguyễn Thị H ly hôn. Giao cho chị H trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục con chung là Lê Thị Hương G đến khi con đủ 18 tuổi hoặc đến khi có quyết định thay đổi khác. Chấp nhận sự nguyện của anh T đóng tiền cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H 1.000.000đ/ 1 tháng. Về tài sản chung, công sức công nợ chung không giải quyết.

Về án phí: Anh T phải chịu phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời khai của nguyên đơn, bị đơn, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Tại phiên tòa nguyên đơn, bị đơn có mặt.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Lê Văn T và chị Nguyễn Thị H tự nguyện tìm hiểu tổ chức cưới có đăng ký kết hôn tại UBND xã P ngày 04/8/1995 là hôn nhân hợp pháp.

Căn cứ vào lời khai nguyên đơn, bị đơn và tại phiên tòa nhận thấy: Sau khi kết hôn vợ chồng anh T và chị H chung sống tại nhà anh Thành; vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2013 do nghi ngờ tình cảm của nhau nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau, nên từ cuối năm 2013 đầu năm 2014 vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay vợ chồng không quan tâm đến nhau. Tại bản tự khai chị H và anh T đều trình bày vợ chồng không còn tình cảm đề nghị giải quyết ly hôn. Tòa án đã hòa giải nhưng chị H không đến không có thiện chí hòa giải. Tại phiên tòa chị H trình bày không đồng ý ly hôn vì tình cảm vợ chồng vẫn còn là không có căn cứ vì không chứng minh được trong thời gian ly thân chị có biện pháp cải thiện quan hệ vợ chồng. Tại phiên tòa anh T giữ nguyên quan điểm ly hôn điều đó chứng minh vợ chồng anh T chị H không còn tình cảm, không còn trách nhiệm nghĩa vụ với nhau. Vì vậy anh T xin ly hôn chị H là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 nên chấp nhận cho anh T và chị H ly hôn để hai bên ổn định cuộc sống.

[3]. Về quan hệ con chung: Vợ chồng anh T và chị H đều trình bày vợ chồng có 2 con chung Lê Văn N, sinh năm 1996 đã trên 18 tuổi nên Tòa án không giải quyết. Chị H xin nuôi con Lê Thị Hương G, sinh ngày 17/06/2007, con có ý kiến xin ở với chị H, anh T đồng ý và tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000đ/1 tháng kể từ tháng 8/2018 đến khi con đủ 18 tuổi hoặc đến khi có quyết định thay đổi khác được chấp nhận. Việc giao con cho chị H nuôi là phù hợp với khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân & gia đình. Anh T được quyền đi lại thăm chăm sóc con chung không ai được ngăn cản, theo quy định tại Điều 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

[4]. Về tài sản chung, công sức, công nợ chung: Nguyên đơn không có yêu cầu giải quyết nên Tòa án không giải quyết.

Tại bản tự khai chị H có trình bày phần tài sản của vợ chồng chị cho con trai đề nghị Tòa án giải quyết công bằng nhưng chưa có đơn đề nghị giải quyết. Ngày 25/5/2018 Tòa án đã giải thích và giao trực tiếp cho chị H công văn số 164 ngày 18//2018 ấn định trong thời hạn 10 ngày nếu chị H có yêu cầu chi tài sản chung thì phải nộp đơn đề nghị cho Tòa án giải quyết phần tài sản để Tòa án xem xét giải quyết theo quy định, nhưng hết hạn Tòa án không nhận được đơn đề nghị giải quyết phần tài sản. Tại phiên tòa chị H có ý kiến không đề nghị giải quyết phần tài sản. Vì vậy Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ không có căn cứ giải quyết phần tài sản trong vụ án ly hôn. Nếu sau này chị H có đơn khởi kiện phần tài sản chung và nộp các tài liệu chứng cứ kèm theo thì Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

[5]. Về án phí: Anh T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 về án phí, lệ phí Tòa án.

Bởi các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ: Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Các Điều 28, 35, 39, 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Khoản 5, Điều 7 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 về án phí, lệ phí Tòa án.

2. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Lê Văn T và chị Nguyễn Thị H ly hôn.

3. Về con chung: Giao cho chị H tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung Lê Thị Hương G, sinh ngày 17/06/2007 đến khi con đủ 18 tuổi hoặc đến khi có quyết định thay đổi khác. Anh T có quyền nghĩa vụ thăm, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được ngăn cản.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chấp nhận sự tự nguyện của anh T đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung Lê Thị Hương G cho chị H số tiền 1.000.000đ/ tháng tính từ tháng 8 năm 2018 đến khi con đủ 18 tuổi hoặc đến khi có quyết định thay đổi khác.

Kể từ khi chị H có đơn yêu cầu thì hành án khoản tiền cấp dưỡng nuôi con chung, nếu anh T chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, lãi xuất phát sinh do chậm trả tính theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự.

4. Về án phí: Anh T phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn, đối trừ vào khoản tiền tạm ứng án phí anh T đã nộp theo biên lai thu số AA/2015/ 0003268 ngày 12/3/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chương Mỹ anh T đã nộp đủ. Anh T còn phải chịu 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

Báo cho nguyên đơn bị đơn có mặt biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự người phải thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án quy định tại điều 6,7,9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân Tp.Hà Nội;
- Viện kiểm sát nhân dân H.Chương Mỹ;
- Chi cục Thi hành án dân sự H.Chương Mỹ;
- UBND xã Phụng Châu (Án có hiệu lực PL);
- Lưu: Hồ sơ vụ án/ Văn phòng.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Thu Thủy